

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THUY
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34 /2018/HS-ST

Ngày: 10 – 5 - 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THUY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và ông Ngô Văn Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018, tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2018/TLST- HS ngày 04 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo :

Phạm Văn H, sinh ngày 10 tháng 8 năm 1989; Nơi ĐKKHKT và nơi ở: thôn TC, xã TQ, huyện T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; Bố đẻ: Phạm Văn Q, sinh năm 1959 mẹ đẻ Phạm Thị D; sinh năm 1959; Bị cáo chưa có vợ, con.

Nhân thân: Bản án hình sự số 15/2012/HSST ngày 23 tháng 02 năm 2012, Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xử phạt Hưng 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 27/10/2012, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 07/11/2012

Tiền án: Bản án số 67/2013/HSST ngày 04/9/2013, Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xử phạt H 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/8/2014, chưa nộp án phí hình sự sơ thẩm và tiền truy thu sung công quỹ Nhà nước.

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/12/2017 đến ngày 07/01/2018 chuyển tạm giam cho đến nay.

(Có mặt tại phiên tòa)

- Người bị hại:

Anh Phan Văn L, sinh năm 1986, có mặt

Địa chỉ: thôn TC, xã TQ, huyện T, Thái Bình;

- Người làm chứng:

Chị Hà Thị L1, sinh năm 1990, có mặt
Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1967, vắng mặt
Đều có địa chỉ: thôn TC, xã TQ, huyện T, Thái Bình
Anh Đoàn Duy T, sinh năm 1993, vắng mặt
Địa chỉ: thôn C, xã TH, huyện T, Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ ngày 31/8/2017, khi đi bộ qua nhà anh Phan Văn L ở cùng thôn Phạm Văn H phát hiện thấy trong lán xe nhà anh L có một xe mô tô biển kiểm soát 17B6-145.23 nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe này. Quan sát thấy trong nhà vợ chồng anh L đang ngủ, cổng khóa, H trèo tường đi vào trong sân nhìn thấy chìa khóa đang cắm ở xe, H mở khóa xe máy, lấy thanh sắt ở tại lán xe bật khóa cổng dắt xe ra ngoài đi xe máy đến nhà anh Đoàn Duy T, sinh năm 1993 ở tại thôn TT, xã TH, huyện T. H muốn bán xe cho anh T nhưng anh T không mua, sau đó H đã bán xe cho hai thanh niên không rõ tên, tuổi, địa chỉ đang chơi bi a tại sân nhà anh T với giá 3.000.000 đồng, đến ngày 29/12/2017 H đến Công an huyện Thái Thụy đầu thú.

Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-ĐG ngày 03/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận chiếc xe xe mô tô biển kiểm soát 17B6-145.23 tại thời điểm xâm hại có giá trị 8.000.000

Bản cáo trạng số 35/CT-VKSTT ngày 04 tháng 4 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố Phạm Văn H tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên luận tội : Đề nghị tuyên bố Phạm Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”, đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự, điểm p khoản 1, Điều 46, Điều 33, Điều 45 Bộ luật hình sự xử phạt Phạm Văn H từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù giam; đề nghị áp dụng Điều 42 bộ luật hình sự các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho người bị hại là 8.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo đã có hành vi lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của anh Phan Văn L để trộm cắp 01 xe mô tô giá trị 8 triệu đồng của anh L, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác

được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở kết luận bị cáo phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Năm 2012, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng kết án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích đến năm 2013, bị cáo tiếp tục bị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, bản án này bị cáo đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Do bị cáo đã tái phạm chưa được xóa án tích nay lại phạm tội do cố ý nên bị đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 “Tái phạm nguy hiểm” là có cơ sở chấp nhận.

[3] Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo nhận thức rõ việc làm sai trái của mình, thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Thành khẩn khai báo” theo điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo tự ra đầu thú về hành vi phạm tội nên cho hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Bộ luật hình sự.

[4] Phạm Văn H đã nhiều lần bị kết án nhưng không lấy đó làm bài học để sửa chữa. Bị cáo có nhân thân xấu. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 33, Điều 45 Bộ luật hình sự xử phạt tù giam để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Bị cáo không có tài sản, thu nhập thấp chỉ đủ sinh hoạt cho sinh hoạt tối thiểu nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Trong vụ án này H khai bán xe mô tô cho hai người thanh niên không biết tên, tuổi, địa chỉ nên không có cơ sở điều tra làm rõ hành vi của hai thanh niên này. Anh Đoàn Duy T không biết xe H bán là xe trộm cắp nên không xử lý đối với anh Tiến là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Do xe mô tô không được thu hồi nên áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Phạm Văn H phải bồi thường cho anh Phan Văn L giá trị xe mô tô bị cáo đã chiếm đoạt là 8.000.000 đồng.

Đối với tài sản là khóa công bị phá, anh Phan Văn L không yêu cầu bị cáo bồi thường, đây là sự tự nguyện của anh Phan Văn L nên chấp nhận.

Anh L còn khai gia đình bị mất 01 điện thoại VIVI màu xám màn hình cảm ứng trị giá 200.000 đồng nhưng qua điều tra chưa xác định được người thực hiện hành vi trộm cắp điện thoại, viện kiểm sát không truy tố đối với hành vi này nên căn cứ vào giới hạn xét xử Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Bị cáo Phạm Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh: Bị cáo Phạm Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản.”

2. Hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 2 điều 138; Điều 33; Điều 45; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn H 02 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/12/2017

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự Buộc Phạm Văn H phải bồi thường cho anh Phan Văn L giá trị xe mô tô 17B6-145.23 là 8.000.000 (Tám triệu đồng)

4. Về án phí:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Mục I danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Nghị quyết 326/2016//UBTVQH14 ngày 30/12/2016 bị cáo Phạm Văn Hưng phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

5. Quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Trường hợp người được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nơi gửi:

- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo; Người bị hại
- Sở tư pháp Thái Bình
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Lan